

Nhận thức luận kinh nghiệm duy cảm - nền tảng tư tưởng giáo dục của John Locke

Huỳnh Thị Phương Thúy¹

¹ Trường Đại học Văn Lang.
Email: thuy.htp@vlu.edu.vn

Nhận ngày 2 tháng 1 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 2 năm 2021.

Tóm tắt: John Locke (1632-1704) là một trong những tên tuổi có ảnh hưởng nhiều nhất đến Tây Âu thời đại các cuộc cách mạng tư sản. Chủ đề chính và mối quan tâm trước tiên của J.Locke là nhận thức luận, sau đó là các vấn đề tôn giáo, chính trị, giáo dục. Là đại biểu thứ ba của chủ nghĩa kinh nghiệm Anh thế kỷ XVII, J.Locke tiếp tục truyền thống F.Bacon và gắn chủ nghĩa kinh nghiệm với duy cảm luận. Nhận thức luận kinh nghiệm duy cảm trở thành điểm xuất phát cho việc phê phán thuyết ý niệm bẩm sinh, đồng thời xác lập nền tảng cho triết học giáo dục của J.Locke. Chủ nghĩa kinh nghiệm duy cảm J.Locke chỉ ra vai trò của thực tiễn trong quá trình tích lũy tri thức và có giá trị to lớn trong việc đề cao nguyên tắc kết hợp lý thuyết và thực hành, trải nghiệm và nâng cao vốn hiểu biết cho mỗi cá nhân. Hiện nay, những vấn đề được J.Locke đặt ra vẫn còn giá trị đối với giáo dục Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Giáo dục, nhận thức luận, John Locke.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: John Locke (1632-1704) is one of the most influential names in Western Europe during the era of bourgeois revolutions. His main topic and what was of his highest attention was epistemology, followed by religious, political, and educational issues. The third representative of seventeenth-century British empiricism, J. Locke continued F. Bacon's tradition and associated empiricism with sensationalism. Epistemology of sensualist experience became the starting point for the critique of innate conceptualism, and at the same time established the foundation for his philosophy on education. J. Locke's sensualist empiricism shows the role of practice in knowledge accumulation and is of great value in promoting the principle of combining theory and practice, experience and enhancing each individual's knowledge. Currently, issues posed by him are still valid for Vietnamese education in the process of renovation and international integration.

Keywords: Education, epistemology, John Locke.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

John Locke được coi là một trong các đại biểu lớn nhất của phong trào Khai sáng hình thành ở Tây Âu vào cuối thế kỷ XVII, một trào lưu tư tưởng và văn hóa đặc biệt mà tác động của nó đã vượt ra khỏi khuôn khổ thời đại. Những quan điểm của J.Locke trải đều trên nhiều phương diện khác nhau, từ lĩnh vực chính trị - xã hội với tư tưởng về quyền tự nhiên và khế ước xã hội, từ đó luận giải về một nhà nước hợp lý tính; lĩnh vực tôn giáo với tinh thần khoan dung tôn giáo và quyền tự do lựa chọn con đường cứu rỗi của riêng mỗi cá nhân; đến lĩnh vực kinh tế với những luận giải về giá trị và giá cả v.v.. Nhưng lĩnh vực để lại dấu ấn sâu sắc nhất, mạnh mẽ nhất chính là nhận thức luận. Có thể thấy, tư tưởng của J.Locke về nhận thức luận không chỉ định hình và phát triển chủ nghĩa duy nghiệm Anh thế kỷ XVII nói riêng và triết học duy vật nói chung mà nó còn là cơ sở để ông xây dựng nên những quan điểm về giáo dục. Các nhà nghiên cứu giáo dục nhận định, mặc dù tác phẩm *Vài suy nghĩ về giáo dục* đề cập trực tiếp nhất đến vấn đề giáo dục, nhưng tác phẩm quan trọng nhất của J.Locke, tác phẩm có ý nghĩa lớn lao đối với nền giáo dục lại là *Khảo luận về lý trí của con người* (một tác phẩm đề cập chủ yếu đến vấn đề nhận thức luận) [8, tr.21]. Bài viết này bàn về nhận thức luận kinh nghiệm duy cảm - nền tảng tư tưởng của J.Locke và ý nghĩa của nó đối với việc đổi mới giáo dục Việt Nam.

2. Một số nội dung cơ bản trong nhận thức luận của John Locke

Nhận thức luận được coi là một phương diện giữ vị trí trung tâm, nền tảng để xây

dựng nên toàn bộ hệ thống triết học của J.Locke, bởi lẽ ông cho rằng, trước khi nghiên cứu bất kỳ vấn đề triết học và khoa học nào có liên quan đến thế giới và con người, thì cũng cần nghiên cứu những năng lực của bản thân mình và xem xét lý tính chúng ta có thể nhận thức được những đối tượng nào, còn những đối tượng nào thì không. Khi nói về tác phẩm *Khảo luận về lý trí của con người*, J.Locke đã tâm sự với các bạn bè của mình về ý định viết tác phẩm này từ 20 năm trước, khi ấy, “Năm hay sáu người bạn cùng họp trong phòng của tôi và bàn luận về một đề tài rất xa vời với chủ đề này, và họ thấy bế tắc vì những khó khăn không giải quyết nổi từ mọi khía cạnh. Sau một hồi bối rối không tìm ra lời giải cho những nghi vấn đặt ra, tôi chợt nghĩ có lẽ chúng tôi đi sai đường. Vì, trước khi tìm hiểu bản chất vấn đề đó, chúng ta cần phải xem xét khả năng của mình, xem những cái gì vừa sức hiểu biết của chúng ta hay không” [9, tr.827]. Như vậy, muốn hiểu về giáo dục, trước tiên chúng ta cần xem xét nguồn gốc, bản chất cũng như phạm vi, nền tảng cho sự hiểu biết của con người, từ đó sẽ xây dựng nên một phương pháp giáo dục hiệu quả.

Khi bàn về cái gốc tạo nên trí tuệ con người, J.Locke phê phán và phủ nhận học thuyết ý niệm bẩm sinh vốn bắt nguồn từ chủ nghĩa Plato và được Descartes và trường phái Descartes đổi mới. Học thuyết này khẳng định rằng, dường như những tri thức cũng như những khả năng khác của con người, xuất hiện một cách tất yếu và hiện thực từ lúc sinh ra, nghĩa là mang tính bẩm sinh. J.Locke cho rằng, lý luận này quan niệm về con người như một thực thể thụ động, không có tự do, qua đó ông đem các nguyên tắc và các lý tưởng cơ bản của

mình đối lập với nó. Theo J.Locke, không có những nguyên lý, những tiên đề phổ biến mà mọi người ai cũng biết được. Vẫn có những nguyên lý mà một phần nhân loại, trẻ em, những kẻ ngu dốt và nhiều người khác hoàn toàn không biết gì về chúng. Nếu con người sinh ra đã có tri thức bẩm sinh thì mọi quá trình nhận thức đều trở nên thừa. Với quan niệm đó, J.Locke bác bỏ học thuyết về ý niệm bẩm sinh, những nguyên lý cần được chứng minh không phải bằng tính bẩm sinh, mà bằng tính hữu dụng của chúng. Từ đó, J.Locke cho rằng: “con người có thể đạt tới tất cả tri thức của mình mà không cần tới sự giúp đỡ nào từ phía ấn tượng bẩm sinh, điều đó chứng tỏ sai lầm của quan niệm về biểu tượng bẩm sinh” [1, tr.267].

Không hề có bất kỳ ý niệm bẩm sinh nào về thế giới này, theo J.Locke, ngay từ khi mới chào đời, tâm hồn của những đứa trẻ tựa như tờ giấy trắng và chúng phải học từ những điều giản đơn nhất. J.Locke viết: “linh hồn chúng ta khi mới sinh ra, có thể nói như một tờ giấy trắng, không có một ký hiệu hay ý niệm nào cả” [5, tr.112]. Sự phê phán của J.Locke đối với ý niệm, khái niệm và các nguyên lý bẩm sinh thông qua chất liệu phong phú và thuyết phục không chỉ là sự phê phán đối với chủ nghĩa duy tâm và bảo vệ chủ nghĩa duy vật trong lý luận nhận thức, mà còn là nhằm đề cao sức mạnh và vai trò của giáo dục trong việc ghi lên “tờ giấy trắng” của những đứa trẻ những ý niệm mới về cuộc sống, từ đó hình thành nên những “người quân tử” với đức hạnh, sự khôn ngoan, phép lịch sự và học vấn.

J.Locke thường nói về sự hình thành và phát triển tâm lý của con người, từ lúc là một đứa trẻ đến khi trưởng thành, phụ thuộc

trực tiếp vào quá trình tích lũy kinh nghiệm cá nhân và làm giàu nó bằng những chất liệu ngày càng mới. J.Locke cho rằng, năng lực nhận thức, suy luận, hiểu biết, lý tính chỉ được hình thành thông qua kinh nghiệm. Kinh nghiệm là cơ sở của tri thức, tri thức xét đến cùng, bắt nguồn từ kinh nghiệm. Luận điểm về kinh nghiệm như cội nguồn của mọi tri thức là cơ sở của chủ nghĩa kinh nghiệm duy cảm triết học của J.Locke. Sự khác nhau giữa quan niệm của mọi người không phải bắt nguồn từ sự khác nhau về khả năng nhận thức hoặc truyền tải các ý niệm bẩm sinh, mà bắt nguồn từ những trải nghiệm của chính họ. Ở một đứa trẻ, “các lý luận mà chúng chấp nhận được là những lý luận quen thuộc, ngang tầm với suy nghĩ của chúng, những suy luận, mà ta có thể nói, phải giống như những gì chúng cảm được và sờ được” [6, tr.86]. Có thể thấy, J.Locke đã phát triển khuynh hướng kinh nghiệm trong nhận thức luận và đẩy nó về hướng duy cảm.

Khẳng định toàn bộ tri thức của chúng ta đều hình thành từ kinh nghiệm nhưng J.Locke cũng phân biệt hai dạng kinh nghiệm: kinh nghiệm bên ngoài và kinh nghiệm bên trong. Kinh nghiệm bên ngoài được cấu thành từ tổ hợp các cảm giác, nguồn gốc của nó là sự tác động của thế giới vật chất khách quan đến các cơ quan cảm giác của con người và gây ra cảm giác. Không có kinh nghiệm bên ngoài thì không thể có cuộc sống bình thường của con người, ở tuổi thiếu niên, chính kinh nghiệm bên ngoài chiếm vị trí áp đảo, tác động đến sự hình thành tâm lý con người. Khác với kinh nghiệm bên ngoài, kinh nghiệm bên trong được hình thành từ những quan sát

của trí tuệ đối với hoạt động nội tại của mình, thực chất đó là thế giới nhận thức của con người. Do đó, J.Locke còn gọi kinh nghiệm bên trong là “cảm tính” bên trong, hay suy tưởng (phản tư). Kinh nghiệm bên trong là tổng thể các phương thức thể hiện của hoạt động trí tuệ đa dạng, đem đến cho lý trí chúng ta những ý niệm mà chúng ta không thể nhận được từ các sự vật bên ngoài. Kinh nghiệm bên trong về cơ bản phụ thuộc vào kinh nghiệm bên ngoài, song trong nhiều trường hợp nó mang tính độc lập tương đối. Kinh nghiệm bên trong là môi trường bền vững, thậm chí tự thân, có thể vận hành mà không cần đến sự liên kết với kinh nghiệm bên ngoài. Các đặc trưng của kinh nghiệm bên trong càng làm sáng tỏ thuộc tính của ý thức con người, trong đó có những năng khiếu, tư chất không hẳn lệ thuộc vào kinh nghiệm bên ngoài.

Cũng nói đến vai trò của chủ thể nhận thức, khi đề cập đến ý niệm với tư cách là đối tượng của tư duy, J.Locke phân biệt ý niệm về chất có trước và ý niệm về chất có sau. Những chất có trước là những thuộc tính cố hữu, không tách rời của các vật thể như quảng tính, hình thức, vận động hay đứng yên, các con số... Đó là những thuộc tính khách quan của vật thể. Những chất có sau “không có ở trong các sự vật, nhưng là các năng lực tạo ra các cảm giác khác nhau nơi chúng ta bởi các chất có trước” [3, tr.389], đó là những thuộc tính luôn biến đổi, phụ thuộc vào các cơ quan cảm giác, như màu sắc, âm thanh, mùi, vị... chúng phụ thuộc vào chủ thể ý thức, xuất hiện trong con người, mang tính chủ quan. Tuy nhiên, J.Locke không tách rời cái chủ quan khỏi cái khách quan mà nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa chúng. Ví dụ, ý niệm về chất có

trước của một quả táo (cứng, có trường độ trong không gian...) có năng lực tạo ra ý niệm về chất có sau của vị ngọt và màu đỏ. Phân tích này có nghĩa là thế giới ồn ào, đầy màu sắc như chúng ta quan niệm không phải là thế giới thực mà chỉ là một biểu thị về cách thức mà thế giới thực sự là thế nào. Cách tiếp cận này gần với quan điểm về hình thức chủ quan và nội dung khách quan của tri thức. Như vậy, chủ thể nhận thức với những xúc cảm, năng lực lý tính cũng tham gia tích cực vào quá trình nhận thức.

Kinh nghiệm bên trong, hoạt động phản tư của các cá nhân, dù có tính độc lập tương đối nhưng về cơ bản vẫn phụ thuộc vào kinh nghiệm bên ngoài. J.Locke luôn khẳng định rằng, hoạt động của trí tuệ, cái trở thành đối tượng của phản tư, diễn ra chỉ trên cơ sở các chất liệu cảm tính, hình thành ở con người trước các ý niệm phản tư, rằng, linh hồn không thể tư duy trước khi các cảm giác cung cấp cho nó các ý niệm cần cho tư duy [7, tr.664]. Do đó, J.Locke rất coi trọng các hoạt động nhằm nâng cao năng lực của mỗi cá thể cả về thể chất lẫn tinh thần trong giai đoạn tuổi thơ.

Từ nhận thức luận kinh nghiệm duy cảm, J.Locke đã xây dựng nên toàn bộ hệ thống tư tưởng triết học của ông, trong đó có tư tưởng giáo dục. Triết lý giáo dục của J.Locke đã thống nhất với nhận thức luận kinh nghiệm duy cảm cũng như nhân sinh quan của ông.

3. Dấu ấn nhận thức luận kinh nghiệm duy cảm trong tư tưởng giáo dục của John Locke

Trong hệ thống triết học của mình, mặc dù J. Locke không đề cập đến một triết lý

về giáo dục bao gồm hệ thống các phạm trù cũng như không đề cập đến các chính sách giáo dục cụ thể nhưng thông qua các tác phẩm của ông, đặc biệt là tác phẩm *Vài suy nghĩ về giáo dục*, những tư tưởng giáo dục của ông vẫn được thể hiện rõ nét.

Giáo dục trong lý luận của J.Locke đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển con người, từ những đứa trẻ vô tri, ngớ ngếch với thế giới này đến những nhà thông thái, tài giỏi với những hiểu biết sâu sắc về cuộc sống. J.Locke tin rằng, kiến thức là được giáo dục mà có, “tờ giấy trắng” sẽ nhường chỗ cho một hệ thống kiến thức về thế giới thông qua giáo dục. J.Locke đặt niềm tin vững chắc vào sức mạnh của giáo dục, ông cho rằng, “chín mươi phần trăm của những người ta gặp, những người này tốt hay xấu, hữu dụng hay vô tích sự, đều do giáo dục mà ra cả” [6, tr.17]. Do đó, “giáo dục tốt trẻ em trở thành nghĩa vụ và quyền lợi của các bậc cha mẹ, và sự bình an của dân tộc phụ thuộc rất nhiều vào giáo dục, vì vậy mỗi chúng ta cần nghiêm túc đón nhận nó từ tận đáy lòng” [7, tr.683].

Giáo dục đứa trẻ trở thành người quân tử là một việc khó nhưng không phải là không làm được, đó là một quá trình, bởi nhận thức cũng là một quá trình. Ở đây, luận điểm về kinh nghiệm như cội nguồn của mọi tri thức không chỉ là nền tảng của chủ nghĩa duy nghiệm triết học của J.Locke mà cũng chính là cơ sở lý luận cho tư tưởng giáo dục của ông. Kinh nghiệm bên ngoài được cấu thành từ tổ hợp các cảm giác, những hiểu biết của con người do những cảm giác mang lại là những dữ kiện giản dị nhất của tri giác, nghĩa là những hình thức giản dị nhất của sự hiểu biết. Cảm giác là

điểm khởi đầu của tất cả mọi ý kiến và những ý tưởng do cảm giác phát sinh là những ý tưởng đầu tiên và quan trọng nhất trong cuộc đời của đứa trẻ. Trên nền tảng kinh nghiệm duy cảm luận, J.Locke đề nghị sự giáo dục đứa trẻ phải “hướng một cách trực tiếp về những giác quan và cho đứa trẻ những hiểu biết trực tiếp về mọi việc” [4, tr.59]. Giáo dục dựa trên trò chơi vì thế được J.Locke xem là một sự giảng dạy dễ dàng, vững chắc. Khi đứa trẻ được đặt vào tay “đồ chơi giáo dục”, nó có thể sử dụng tùy thích và nhờ việc tiếp xúc trực tiếp với những đồ chơi đó mà nó dần dần có những hiểu biết đơn giản về những chữ cái, những con số. Đó là điểm khởi đầu quan trọng, sự chuẩn bị duy nhất có giá trị cho việc học.

Quá trình giáo dục dựa trên kinh nghiệm duy cảm của J.Locke tiếp tục tiến xa hơn khi ông yêu cầu phải có trải nghiệm của đứa trẻ với toàn bộ thế giới xung quanh, bởi nếu không có những cảm giác riêng của chúng về những gì đã xảy ra, nếu chúng không chính mắt nhìn thấy thì chúng vẫn như chưa được giáo dục, dẫu cho những nhà chính trị có nói gì đi nữa cũng vậy. Tất cả những trải nghiệm mà nhà giáo dục cần phải làm là “tạo thành thói quen cho chúng bằng cách thực hành liên tục mỗi khi có cơ hội làm việc đó, và tạo ra các cơ hội đó nếu cần” [6, tr.75].

Tuy nhiên, sự trải nghiệm, cái đạt được thông qua các giác quan không phải là nguồn gốc duy nhất để hình thành nên tri thức. Nguồn gốc thứ hai của tri thức là hoạt động của chính lý tính khi nó phản tư tự quan sát bản thân mình, những hành vi của mình và lĩnh hội chúng. Hoạt động phản tư

phụ thuộc rất nhiều vào chủ thể nhận thức với những điều kiện thiết yếu cả về thể chất và tinh thần. Trong tác phẩm *Vài suy nghĩ về giáo dục*, ngay phần đầu tiên “Nguyên tắc tổng quát”, J.Locke đã khẳng định: “Kẻ nào trí óc kém khôn ngoan thì không bao giờ đi đúng con đường tốt; và kẻ nào có một thân thể gầy gò, yếu đuối sẽ không bao giờ có khả năng đi trên con đường ấy” [6, tr.17]. Thậm chí, ông công nhận rằng vẫn có mười phần trăm những người được tạo hóa ban cho một thân thể và một trí óc mạnh mẽ đến độ họ không cần đến sự giúp đỡ của ai khác, nhưng bằng cái thiên tư thiên phú của mình, họ có khả năng thực hiện những điều kỳ diệu [6, tr.17]. Từ đó có thể hiểu, tư chất cá nhân, sức khỏe, tâm trí cũng có vai trò quan trọng trong quá trình học tập. Do đó, khi xác định phương pháp giáo dục, J.Locke rất coi trọng việc đề ra một phương pháp phù hợp với khả năng, thiên tư và cơ thể của đứa trẻ. Vì thế, người làm giáo dục phải nghiên cứu kỹ bản tính và khả năng của chúng bằng những thực nghiệm thường xuyên. Theo J.Locke, thượng đế đã tạo ra mỗi người với những cá tính riêng, tất cả những gì nhà giáo dục có thể làm là sử dụng một cách tốt nhất những gì thiên nhiên đã cho, hoặc bằng cách ngăn ngừa các tật xấu và các lỗi lầm đến với mỗi tính tình, hoặc phát triển các tính tốt sẵn có. J.Locke cho rằng: “Thiên tư của mỗi người nên được phát triển càng nhiều càng tốt; nhưng nếu ta cố gắng gán cho mỗi người một thiên tư mà nó không có, thì chỉ uổng công mà thôi, và chỉ tạo nên cái vỏ bề ngoài cứng nhắc, thô kệch và kiểu cách giả tạo” [6, tr.77]. Một người thầy khôn ngoan là phải quan sát tính tình của học trò và tạo ra sự kích thích nơi

trí óc của đứa trẻ để nó thích thú với việc học, làm như vậy sẽ tiết kiệm vô số thời gian, ít công sức hơn và hiệu quả cao hơn. Rõ ràng, những năng khiếu, tư chất cá nhân là những yếu tố không ai có thể phủ nhận được, nhưng nếu chúng ta tuyệt đối hóa nó, cho rằng giáo dục chỉ là sự kích thích các thiên tư có sẵn thì sẽ rơi vào chủ nghĩa duy tâm triết học.

Trên cơ sở đó, J.Locke rất coi trọng các hoạt động nhằm nâng cao năng lực của mỗi cá thể cả về thể chất lẫn tinh thần trong giai đoạn tuổi thơ. Chính kiến thức y học đã góp phần tạo nên sự quan tâm của J.Locke tới sự khỏe mạnh của thể xác, tinh thần và trí óc của đứa trẻ. Theo ông, trước tiên cần rèn luyện thể chất, hình thành một con người khỏe mạnh, có sức chịu đựng cao để tạo thói quen làm việc tốt trong những điều kiện tự nhiên khắc nghiệt nhất. Giáo dục thể chất gắn liền với giáo dục tinh thần, giáo dục ý thức làm người, phần đầu trở thành con người của công việc, sống có trách nhiệm với gia đình và xã hội. Tiếp theo là trang bị vốn hiểu biết cho trẻ là điều kiện tiên quyết cho quá trình bước vào cuộc sống khó khăn. Mặt khác, giáo dục đạo đức, tức giáo dục cái thiện, khao khát hạnh phúc, đam mê chân chính, hành xử theo sự chỉ dẫn của lý tính và theo gương những bậc hiền nhân, cần gắn liền với giáo dục tình yêu lao động, dạy cho những người trẻ tuổi những công việc cần thiết, định hướng nghề nghiệp cho họ. Tóm lại, nhà giáo dục phải quan tâm cả yếu tố thể chất và tinh thần của con người, trên cơ sở đó mà hình thành phương pháp giáo dục tích cực (giáo dục toàn diện).

Theo J.Locke, một người quân tử vừa là mục tiêu vừa là động lực của giáo dục.

Với tư cách là động lực của giáo dục, bằng một tinh thần minh mẫn trong một cơ thể tráng kiện, người quân tử sẽ nâng cao khả năng lĩnh hội của bản thân trên con đường tìm kiếm tri thức, tiếp thu được ngày càng nhiều những kinh nghiệm sống từ thế giới xung quanh và thích ứng được với những thay đổi của điều kiện sống. J.Locke nói rằng: “hãy làm cho đứa trẻ quen thói có cái nhìn đúng đắn về mọi việc; và không tự thỏa mãn cho đến khi đạt đến việc đó; hãy nâng cao trí óc nó đến những tư tưởng cao xa và xứng đáng; và hãy tập cho nó xa lánh những sự dối trá và mưu mẹo, vì trong mưu mẹo luôn luôn có dối trá; *đó là cách tốt nhất để chuẩn bị cho đứa trẻ đạt được sự khôn ngoan*” [6, tr.102]. Đồng thời, xây dựng mẫu người đàn ông hoàn hảo, hào hiệp lành mạnh cả về thể chất và tinh thần, có khả năng tiến hành công việc một cách thông minh và cẩn trọng, một con người lịch thiệp, tinh tế trong giao tiếp cũng chính là mục tiêu trực tiếp của giáo dục. J.Locke Ông tin rằng giáo dục đúng cách, phù hợp với các hoạt động nhận thức kinh nghiệm duy cảm của con người có thể tạo nên sự hoàn thiện ở con người về mọi phương diện.

Từ nhận thức luận kinh nghiệm duy cảm, J.Locke đưa ra nguyên tắc học đi đôi với hành trong giáo dục. Đây là một nội dung hết sức quan trọng trong việc đổi mới giáo dục Việt Nam theo hướng “gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học, công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động” [2, tr.114-115]. Mục đích cuối cùng của giáo dục là nâng cao năng lực của con người trong việc cải biến tự nhiên, cải biến xã hội để phục vụ nhu cầu

của chính con người. Việc giáo dục gắn liền với những trải nghiệm, cụ thể hóa những lý thuyết xơ cứng bằng những chương trình, dự án dành cho người học thực sự là một phương pháp giáo dục tích cực. Người học sẽ thấy bài học không hề nhàm chán, nghèo nàn mà cực kỳ sống động và có ý nghĩa. Chỉ khi được thực hành, được trải nghiệm, người học không chỉ nắm chắc và hiểu rõ lý thuyết mà còn có thể vận dụng những kiến thức đã học trong một tình huống tương tự hoặc tình huống mới, từ đó phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề và tiến tới cấp độ sáng tạo. Hiện nay, trong hệ thống giáo dục Việt Nam, việc thực hành thông qua các dự án mô phỏng, thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp chỉ có ở các cơ sở đào tạo bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp với mục đích giúp sinh viên nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, còn ở các bậc học phổ thông thì còn rất hạn chế, chủ yếu là các hoạt động tham quan mang tính chất “cưỡi ngựa xem hoa” và nó vẫn được coi là một hoạt động ngoại khóa. Rõ ràng, sự trải nghiệm dù là ở bậc học nào, lứa tuổi nào cũng là hết sức quan trọng, không chỉ nhằm phát triển các kỹ năng, phẩm chất cá nhân để thích ứng với những biến đổi của xã hội mà còn hướng những hiểu biết của người học vào việc phục vụ cuộc sống.

Nhìn lại tiến trình lịch sử, nhiều thế kỷ đã trôi qua với những thay đổi trong đời sống xã hội, những tư tưởng giáo dục của J.Locke vẫn còn có giá trị thiết thực đối với xã hội ngày nay. Tiếp thu những giá trị ấy như một sự gợi mở, định hướng sẽ góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

4. Kết luận

Là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa kinh nghiệm duy cảm Anh thế kỷ XVII, nhận thức luận của J.Locke đã có vai trò quan trọng trong việc bác bỏ chủ nghĩa tiên nghiệm, phê phán học thuyết ý niệm bẩm sinh, nhấn mạnh vai trò của kinh nghiệm thực tiễn, của giáo dục trong quá trình hình thành năng lực, phẩm chất của con người, xây dựng nên người quân tử với tinh thần dân chủ, nhân văn. Những quan điểm của J.Locke về việc giáo dục con người toàn diện, đặc biệt là hoàn thiện nhân cách, chú trọng khả năng thích nghi với cuộc sống, học đi đôi với hành là những nội dung có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đối với việc đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Tiến Dũng (2006), *Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [3] Forrest E. Baird (2006), *Tuyển tập danh tác triết học từ Plato đến Derrida*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [4] Jean Chateau (1971), *Triết lý giáo dục* (Lê Thanh Hoàng Dân và Trần Hữu Đức dịch, Nxb Trẻ, Sài Gòn.
- [5] J.Locke (1960), *Kinh nghiệm về lý tính của con người*, *Tuyển tập*, Mát-xcơ-va
- [6] J.Locke (2017), *Vài suy nghĩ về giáo dục*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [7] Đinh Ngọc Thạch, Doãn Chính (Đồng chủ biên) (2018), *Lịch sử triết học phương Tây*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (2008), *Chân dung những nhà cải cách giáo dục tiêu biểu trên thế giới*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [9] William F. Lawhead (2012), *Hành trình khám phá thế giới triết học phương Tây*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.